

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh 6 tháng đầu năm 2014

Căn cứ Nghị quyết số 328/NQ-HĐND, ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2014; trong 6 tháng đầu năm 2014, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh đã tổ chức 05 cuộc giám sát chuyên đề. Báo cáo kết quả các cuộc giám sát đã gửi đại biểu HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan. Tại kỳ họp này, Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh 6 tháng đầu năm 2014 như sau:

A. Tình hình thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh từ năm 2012 đến tháng 5/2014

I. Kết quả đạt được

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập và ban hành quy chế làm việc của Ban chỉ đạo kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012 - 2020; chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự án Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012-2020; cụ thể hóa các chính sách liên quan đến việc bảo vệ và phát triển rừng theo nghị quyết 30a của Chính phủ, quyết định 57 của Thủ tướng Chính phủ; Đặc biệt UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch 388 chỉ đạo quyết liệt việc rà soát diện tích đất, rừng hiện có để giao đất, giao rừng; chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các địa phương thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, đồng thời chỉ đạo tổ chức việc quyết toán các chương trình, dự án 327, 661 trên địa bàn.

2. Công tác quy hoạch

UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2009-2020; Quyết định 714 của UBND tỉnh chuyển đổi quy hoạch 3 loại rừng với diện tích là 74.836,7 ha. Việc đóng mốc phân định ranh giới khu rừng đặc dụng đã được triển khai thực hiện tại một số điểm.

- Năm 2012, UBND tỉnh đã phê duyệt 9 dự án Bảo vệ và phát triển rừng của các huyện, thị xã, thành phố. Trên cơ sở dự án được phê duyệt, hàng năm UBND cấp huyện đã xây dựng Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trình HĐND cùng cấp làm căn cứ để triển khai thực hiện tại địa phương.

3. Công tác giao đất, giao rừng

- Xác định là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến công tác bảo vệ và phát triển rừng nên hầu hết đã được UBND các cấp chỉ đạo quyết liệt, triển

khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, bước đầu đạt kết quả tích cực, với mục tiêu đến năm 2015 cơ bản hoàn thành giao đất, giao rừng trên phạm vi toàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp PTNT, Sở Tài nguyên Môi trường hướng dẫn UBND cấp huyện lựa chọn đơn vị tư vấn trong việc khảo sát hiện trạng, xác định diện tích, ranh giới, trữ lượng rừng hiện có làm cơ sở xây dựng, thẩm định, phê duyệt phương án giao đất giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng bản. Các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thôn bản sau khi được giao rừng đã được Quỹ bảo vệ phát triển rừng chi trả tiền dịch vụ MTR theo qui định, tạo tâm lý phấn khởi, ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát triển rừng. Một số đơn vị làm tốt như thị xã Mường Lay, huyện Nậm Pồ đạt 100% số xã, huyện Mường Chà 8/12 xã, Tủa Chùa 5/11 xã.

4. Công tác bảo vệ rừng

- Từ năm 2012 đến tháng 5/2014, tổng số vi phạm là 1.228 vụ, đã ra quyết định xử lý 1.124 vụ; tịch thu 850,398m³ gỗ các loại, thu nộp tiền là 9.218.491.000 đồng.

- Những diện tích rừng đã giao cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư được cắm biển xác định, cộng đồng dân cư thường xuyên cử người đi tuần tra, kiểm soát, tạo cơ chế kiểm tra lẫn nhau, nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ, phát triển rừng.

5. Về phát triển rừng

- Năm 2012: đã thực hiện khoán bảo vệ rừng trồng 1.294,7 ha (đạt 93,6% Kế hoạch); trồng rừng phòng hộ tập trung 158,8 ha (đạt 65,6% kế hoạch); chăm sóc rừng trồng được 622,2 ha (đạt 77,7% kế hoạch).

- Năm 2013: đã thực hiện giao khoán bảo vệ 24.652,4 ha (bao gồm cả BVR của các huyện 30a) đạt 53,2% kế hoạch; khoán khoán nuôi tái sinh 9.695,9 ha (đạt 69,3% kế hoạch); trồng rừng sản xuất 282,1 ha (đạt 43,4% kế hoạch); chăm sóc rừng trồng 548,4 ha (đạt 85,8% kế hoạch).

- Trồng cây phân tán: Từ năm 2012 đến tháng 5/2014 toàn tỉnh đã tổ chức trồng được 987.282 cây.

- Hỗ trợ gao trên diện tích trồng rừng chuyên tiếp: Năm 2012 thực hiện 500,5 ha (đạt 87,4% kế hoạch); năm 2013 thực hiện 508 ha (đạt 93% kế hoạch).

- Công ty CP rừng Việt Tây Bắc đã đầu tư hơn 60 tỷ hoàn thành 2 dây chuyền sản xuất gỗ ghép thanh, gỗ ván dăm và chính thức đi vào sản xuất, tạo ra sản phẩm, thu hút lao động địa phương. Hiện nay công ty đang hỗ trợ nhân dân mỗi năm 1 triệu cây giống để trồng rừng, đồng thời thu mua các loại gỗ hiện có trong nhân dân để sản xuất. Đây là một hướng đi đúng của Công ty rất cần được tỉnh quan tâm hỗ trợ các chính sách của nhà nước.

6. Thực hiện các chính sách về đầu tư, hỗ trợ

- Đầu tư, hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và triển khai áp dụng trên địa bàn. Quy định cụ

thể một số nội dung thực hiện chính sách trợ cấp gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số trồng rừng thay thế nương rẫy.

- Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định 99 của Chính phủ được triển khai kịp thời, được người dân đồng tình ủng hộ; UBND tỉnh thành lập Hội đồng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng, thành lập tổ chức bộ máy quản lý và vận hành Quỹ; chỉ đạo, giao nhiệm vụ xác định chủ rừng, nghiệm thu diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng, phê duyệt danh sách các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh. Kết quả, đến hết tháng 5/2014 đã chi 61,505 tỷ/243,354 tỷ (đạt 25,27% kinh phí được cấp 3 năm 2011 - 2013).

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Việc giao chỉ tiêu kế hoạch và giao vốn thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển rừng hàng năm không đồng bộ, kinh phí phân bổ cho các địa phương chậm và thường thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch được giao, do đó cấp huyện, đơn vị không chủ động được trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Việc phối hợp giữa các ngành, UBND cấp huyện trong việc rà soát diện tích đất, rừng trên địa bàn theo KH 388 để tiến hành giao cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng thiểu chặt chẽ nên tiến độ chậm, chất lượng chưa cao.

- Quy trình, thủ tục đối với việc giải ngân 26,5 tỷ đồng hỗ trợ kinh phí vận chuyển sản phẩm cho Công ty Hoàng Lâm không đảm bảo quy định dẫn đến phải thu hồi (đến nay mới thu hồi được 400 triệu đồng) tạo dư luận không tốt trong nhân dân.

2. Công tác tuyên truyền

- Công tác phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững chưa đi vào chiều sâu, chưa thường xuyên, hình thức tuyên truyền chưa phù hợp với nhận thức của người dân trên từng địa bàn nên hiệu quả chưa cao; việc tổ chức ký bản cam kết về bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng còn hình thức, không chặt chẽ.

- Đầu tư xây dựng hệ thống biển báo cháy rừng, pa nô, áp phích về bảo vệ rừng còn ít, chưa được chú trọng.

3. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch

- Quy hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2009-2020 được UBND tỉnh phê duyệt năm 2008 còn nhiều bất cập, chưa được các cấp, các ngành triển khai thực hiện, một số địa phương chưa công bố quy hoạch cho cấp xã và thôn bản. Việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm quy hoạch thực hiện chưa nghiêm túc.

- Việc điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định 714 của UBND tỉnh chưa bám sát thực tế, chưa đảm bảo trình tự, thủ tục; đặc biệt chưa có sự phối hợp với UBND cấp huyện, xã, vì vậy khi triển khai thực hiện phát sinh nhiều vướng mắc, không khả thi.

4. Tiến độ giao đất, giao rừng

Triển khai thực hiện giao đất, giao rừng theo kế hoạch 388 của UBND tỉnh còn nhiều bất cập, tiến độ triển khai trên địa bàn tỉnh chậm, đến hết tháng 5/2014 mới có 1/10 huyện đã tiến hành giao đất cho cộng đồng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình (thị xã Mường Lay). Một số huyện chưa giao được rừng (Mường Nhé, Mường Ảng) do chọn đơn vị tư vấn năng lực yếu, triển khai chậm; trình tự, thủ tục thực hiện chưa đảm bảo. Tình trạng phá rừng, tranh chấp đất, rừng giữa các bản còn xảy ra.

5. Công tác trồng rừng hàng năm đạt thấp

- Chỉ tiêu kế hoạch và kinh phí trồng rừng sản xuất hàng năm chủ yếu giao cho các doanh nghiệp thực hiện, nhưng năng lực và khả năng thuê đất của các doanh nghiệp thấp, thủ tục cấp phép chứng nhận đầu tư trồng rừng sản xuất chưa chặt chẽ, hiện có 5/17 doanh nghiệp tham gia trồng rừng sản xuất không triển khai dự án, không có khả năng đầu tư (UBND tỉnh đã rút giấy phép 5 doanh nghiệp), 08 doanh nghiệp không báo cáo kết quả triển khai sau khi được cấp phép. Đa số cấp huyện chưa chủ động xây dựng dự án trồng rừng kinh tế trên địa bàn trình UBND tỉnh phê duyệt, một số huyện đã xây dựng dự án trồng rừng sản xuất nhưng chậm được phê duyệt, do đó hàng năm chưa được bố trí kinh phí trồng rừng sản xuất cho hộ gia đình, cá nhân.

- Nhân dân xã Sín Thầu (huyện Mường Nhé) và xã Nà Hỳ (huyện Nậm Pồ) đã trồng được 103ha rừng thông, bạch đàn từ năm 2010 đến nay vẫn chưa được thanh toán các chế độ gây bức xúc trong nhân dân, giảm niềm tin vào chính quyền.

- Kế hoạch trồng cây phân tán hàng năm thực hiện thấp, tỷ lệ cây sống không cao, chưa tạo thói quen cho người dân thường xuyên trồng cây xung quanh nơi ở, nơi công sở...

6. Về thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ

- Chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng phòng hộ và rừng sản xuất theo Quyết định số 60 và Quyết định 147 của Thủ tướng Chính phủ nhìn chung còn thấp, chưa thật sự khuyến khích, tạo động lực cho người dân tham gia trồng rừng. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ vận chuyển sản phẩm cho doanh nghiệp chưa đảm bảo theo quy định.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ thông qua khoán chăm sóc, bảo vệ rừng theo Nghị quyết 30a tại một số huyện nghèo chưa thực hiện đúng quy định như khoán bảo vệ rừng sai đối tượng, sử dụng nguồn vốn chưa đảm bảo quy định.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ gạo cho nhân dân trồng rừng thay thế nương rẫy này sinh một số bất cập về phương thức thực.

- Mặc dù nguồn kinh phí đầu tư phát triển rừng hàng năm Trung ương giao thấp so với nhu cầu, nhưng thực hiện hầu hết lại không đạt kế hoạch, nhất là kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng, chăm sóc rừng trồng và đặc biệt là lĩnh vực trồng rừng sản xuất và trồng cây phân tán. Việc giải ngân chậm nên một số kinh phí cuối năm phải chuyển nguồn hoặc kết dư.

- Kết quả thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đạt thấp, toàn tỉnh mới chi trả được 61,505 tỷ đồng/243,354 tỷ đồng đạt 25,27% tổng nguồn vốn được giao (năm 2012: chưa thực hiện; năm 2013: chi 42,67 tỷ đồng/100 tỷ đồng, đạt 46,67%; năm 2014: chi được 18,835 tỷ đồng/201,544 tỷ đồng, đạt 9,34%); một số cộng đồng thôn bản không nhận tiền hỗ trợ dịch vụ môi trường rừng do chưa thống nhất được diện tích giao rừng theo NĐ 163 trước kia và hiện nay (diện tích giao thấp hơn rất nhiều so với diện tích được giao theo NĐ 163/NĐ-CP).

7. Vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng

Tình trạng vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ rừng như khai thác, vận chuyển, buôn bán, chế lâm sản trái phép... còn phổ biến và tăng lên những năm gần đây (1.228 vụ), diễn ra nhiều nơi trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức, mức độ khác nhau. Số vụ việc xâm hại, lấn chiếm rừng, đất rừng trái phép để làm nương rẫy còn diễn ra ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh. Một số vụ vi phạm lâm luật, chưa xử lý kịp thời, nghiêm minh, giảm tác dụng răn đe, giáo dục, làm ảnh hưởng đến niềm tin của người dân (một số vụ xảy ra tại huyện Mường Nhé...).

8. Về 3 Ban quản lý rừng phòng hộ

- Cơ cấu tổ chức, biên chế của 3 Ban quản lý rừng phòng hộ còn nhiều bất cập, không thống nhất: Tổng số bộ máy biên chế là 58 người; trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chưa phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ, phát triển rừng và triển khai kế hoạch tình giao.

- Sau khi được chuyển đổi 3 lâm trường từ năm 2006 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay việc thu hồi đất, giao đất lâm nghiệp cho 3 Ban quản lý rừng phòng hộ vẫn chưa được thực hiện theo điều kiện đảm bảo tối thiểu mỗi BQL rừng phòng hộ là 5.000 ha rừng. Hiện nay 3 BQL rừng phòng hộ hoạt động không hiệu quả theo đề án chuyển đổi 3 lâm trường đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

9. Quản lý sử dụng vốn và thanh quyết toán các nguồn vốn

Công tác quyết toán các chương trình 327, 661 chậm. Giao vốn và giải ngân vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững chậm và đạt thấp, thường phải điều chỉnh vào cuối năm: năm 2012 được 35,2 tỷ đồng (đạt 88% kế hoạch vốn được giao); năm 2013 được 9,6 tỷ đồng (đạt 19,05%); Kế hoạch năm 2014 đến tháng 7 mới được giao vốn.

10. Hội đồng Quỹ và Ban Điều hành quỹ

- Hội đồng quỹ bảo vệ và phát triển rừng chậm phê duyệt Quy chế hoạt động, Kế hoạch thu, chi hàng năm của Quỹ..., nên khó khăn trong quá trình chỉ đạo, thực hiện. Tổ chức và hoạt động của Quỹ chưa đảm bảo theo quy định (đơn vị sự nghiệp có thu hay Tổ chức tài chính).

- Ban điều hành Quỹ hiện có 16 biên chế (10 tuyển dụng, 6 hợp đồng) không nằm trong tổng biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương

- Đảm bảo việc phân bổ vốn của Chương trình bảo vệ và phát triển rừng kịp thời, xem xét bố trí vốn theo giai đoạn để tinh cân đối, chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành chức năng sớm ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng gắn với chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp theo Nghị định số 23/2006/NĐ-CP: Đề nghị nâng định mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất, trồng rừng phòng hộ từ 60.000đ lên 100.000đ cho phù hợp.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp tại Quyết định số 178 của Thủ tướng Chính phủ; Đề nghị sửa đổi Thông tư liên tịch số 52, về việc hỗ trợ gạo bằng tiền cho nhân dân trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất thay thế diện tích nương rẫy để nhân dân tự mua gạo tại địa bàn.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng. Trong đó, xác định việc trồng rừng và bảo vệ rừng gắn liền với lợi ích của người dân, tạo việc làm cho người lao động, giúp người dân xóa đói, giảm nghèo.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành hoàn thành việc khảo sát hiện trạng, xác định diện tích, ranh giới, trữ lượng rừng hiện có làm cơ sở xây dựng, thẩm định, phê duyệt phương án, đẩy nhanh tiến độ giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng theo Kế hoạch 388 của UBND tỉnh. Đồng thời xử lý dứt điểm quyết toán chương trình 327, 661 để thực hiện việc giao đất, giao rừng.

- Rà soát, đánh giá năng lực và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trồng rừng, trên cơ sở đó có biện pháp hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đi vào hoạt động ổn định và phát triển; đồng thời xử lý đối với các doanh nghiệp không đủ điều kiện hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả.

- Có biện pháp giao chỉ tiêu kế hoạch và phân bổ nguồn vốn cho cấp huyện thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển rừng kịp thời, đồng bộ.

- Rà soát quy trình, sửa đổi, bổ sung những bất cập trong ban hành Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 của UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng để các ngành, cấp huyện tổ chức quản lý bảo vệ rừng có hiệu quả.

- Chỉ đạo các Sở, ngành, UBND huyện Mường Nhé và các đơn vị liên quan đẩy nhanh việc xử lý, giải quyết dứt điểm việc chi trả kinh phí trồng rừng cho nhân dân xã Sín Thầu và Nà Hỳ.

- Cần có biện pháp tích cực, chỉ đạo các ngành chức năng sớm thu hồi 26,1 tỷ đồng hỗ trợ vận chuyển cho Công ty Hoàng Lâm sai quy định. Chỉ đạo các ngành chức năng tiến hành nghiệm thu, hoàn chỉnh hồ sơ để thực hiện chính sách hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Rừng Việt Tây Bắc.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát chức năng, nhiệm vụ của 3 Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên, Mường Chà, Tuần giáo để tham mưu cho UBND tỉnh có phương án sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của BQL trong công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn.

3. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xác định cơ cấu tổ chức, biên chế, chức năng nhiệm vụ của Ban điều hành Quỹ bảo vệ và phát triển rừng. Chỉ đạo Ban điều hành Quỹ có hướng dẫn sử dụng tiền dịch vụ MTR cho cộng đồng thôn, bản theo Thông tư 62 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài Chính để thống nhất thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện phương thức chi trả tiền dịch vụ MTR cho cộng đồng thôn bản một cách khoa học, đảm bảo các qui định trong quản lý tài chính

- Chỉ đạo lực lượng kiểm lâm phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên tuần tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với những hành vi vi phạm lâm luật, tập trung vào những địa bàn nóng về khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, vùng thường xảy ra cháy rừng. Tăng cường các loại biển: Báo phòng cháy rừng, cấm chặt phá rừng, khu vực chi trả dịch vụ MTR... để tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân bảo vệ và phát triển rừng.

4. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo quyết liệt việc rà soát, xác định thực tế diện tích đất rừng hiện có để đẩy nhanh công tác giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... đảm bảo thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch đã đề ra; thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện.

- Làm tốt công tác vận động nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp tham gia trồng rừng và bảo vệ rừng, trồng cây phân tán trên địa bàn.

- Hướng dẫn cộng đồng thôn bản xây dựng các hương ước, quy ước về bảo vệ và phát triển rừng trong đó đảm bảo công bằng trong chi trả chế độ chính sách liên quan đến rừng, gắn với trách nhiệm, ý thức bảo vệ, phát triển rừng

B. Việc đầu tư và hiệu quả sau đầu tư các công trình giao thông, vận tải trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo quy hoạch 3 năm 2011 - 2013

1. Kết quả đạt được

Sau 3 năm triển khai thực hiện (2011 - 2013), hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh đã có thay đổi rõ rệt, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

- Hệ thống các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh lộ được đầu tư xây dựng đã phát huy hiệu quả đầu tư; các trục chính kết nối Điện Biên với Hà Nội và các tỉnh lân cận đi lại tương đối thuận tiện; phục vụ nhu cầu di dân, TĐC dự án thủy điện Sơn La trên địa bàn các huyện Mường Chà, Mường Nhé, Nậm Pồ và thị xã Mường Lay; đáp ứng nhu cầu vận tải xây dựng nhà máy thủy điện Lai Châu, thủy điện Nậm Mực và nhu cầu giao thương, đi lại của nhân dân trong vùng phục vụ công cuộc phát triển Kinh tế - Xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo Quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh, góp phần kiềm chế tai nạn giao thông.

- Giao thông nông thôn đã được quan tâm đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, đạt nhiều kết quả, làm đổi mới bộ mặt nông thôn, góp phần xoá đói, giảm nghèo. Trong 3 năm qua bằng nhiều nguồn vốn lồng ghép, tiếp tục đầu tư nâng cấp các tuyến đường đến trung tâm các xã; đến cuối năm 2013 toàn tỉnh có 130/130 xã, phường đã có đường ô tô đến trung tâm xã, có 94/116 xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được các mùa trong năm đáp ứng được mục tiêu thông xe 4 mùa, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo, quản lý điều hành của cấp ủy, chính quyền, tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất, giao lưu hàng hoá; tăng cường công tác quản lý thị trường, hạn chế tối đa hiện tượng đầu cơ, găm hàng, nâng giá và gian lận thương mại, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống cho nhân dân các dân tộc.

- Từ khi nhà máy thủy điện Sơn La đi và hoạt động đã hình thành tuyến đường thủy nội địa từ Mường Lay - Quỳnh Nhai tạo điều kiện cho nhân dân 2 tỉnh Điện Biên - Sơn La giao lưu và buôn bán được thuận tiện.

- Phương tiện vận tải khách được đầu tư, phương tiện vận tải chất lượng cao ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong tổng số phương tiện vận tải trên địa bàn, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, đặc biệt là các tuyến vận tải liên tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số tuyến Quốc lộ còn chậm được đầu tư cải tạo, nâng cấp (QL6 đoạn Tuần Giáo- TX Mường Lay, QL279 đoạn từ thành phố Điện Biên Phủ - Tây Trang); tốc độ bê tông hóa, nhựa hóa đường huyện, đường liên xã và đường xã còn chậm so với kế hoạch. Nguồn vốn để thực hiện quy hoạch còn khó khăn.

- Mật độ đường tính lộ trên 100 km² và trên 1.000 dân của tỉnh Điện Biên hiện nay thấp hơn các tỉnh trong vùng Tây Bắc và cả nước, vì vậy, hệ thống đường tỉnh của Điện Biên trong thời gian tới cần được đầu tư nâng cấp, cải tạo và bổ sung thêm các tuyến mới nhằm đạt được tỷ lệ bình quân trong vùng Tây Bắc.

- Các tuyến đường xã, thôn bản mặt đường nhỏ, hẹp, các công trình trên tuyến còn tạm thời, đường chưa vào cấp, kết cấu mặt đường chủ yếu vẫn là cấp phối - đất chiếm trên 90%; chất lượng khai thác còn hạn chế, gây khó khăn cho các phương tiện giao thông qua lại, nhất là vào mùa mưa lũ.

- Hệ thống bến xe khách chưa được đầu tư đúng mức, còn một số bến tạm chưa tương xứng với nhu cầu; việc triển khai đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe, bến cảng thủy, Trung tâm kiểm định phương tiện chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra.

- Giao thông đường thủy nội địa chậm phát triển, luồng lạch bến bãi chưa được đầu tư quy hoạch.

C. Tình hình triển khai thực hiện Chương trình hành động Phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh.

1. Những kết quả đạt được

- Công tác chỉ đạo, triển khai Chương trình hành động Phòng chống tội phạm mua bán người trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện kịp thời. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 về việc phê duyệt "Chương trình hành động Phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên"; thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình phòng, chống tội phạm mua, bán người cấp tỉnh. Ban Chỉ đạo đã hoạt động tích cực, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện nội dung Chương trình.

- Các Sở, ban, ngành, mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nhiều hình thức đa dạng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng, chống tội phạm mua bán người tới mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc ít người, nhân dân sống tại các khu vực biên giới. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tội phạm mua bán người đã thu được kết quả nhất định, ý thức cảnh giác về phòng, chống tội phạm mua, bán người được nâng lên.

- Công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm mua bán người trên địa bàn toàn tỉnh đã được các cấp, các ngành quan tâm, tăng cường chỉ đạo. Các ngành chức năng đã tăng cường các biện pháp nghiệp vụ đấu tranh nhằm ngăn chặn tội phạm mua, bán người: mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm mua bán người trên các địa bàn trọng điểm; tổ chức xét xử lưu động các vụ án mua bán người tại địa bàn nơi xảy ra vụ án, góp phần nâng cao ý thức cảnh giác, đồng thời răn đe, ngăn chặn tình trạng tội phạm mua bán người.

- Công tác tổ chức tiếp nhận, xác minh, bảo vệ nạn nhân được cơ quan chủ trì tiến hành đúng theo quy định của pháp luật; 100 % nạn nhân sau khi trở về được hỗ trợ các thủ tục pháp lý, đăng ký lại các giấy tờ cần thiết, tư vấn pháp luật, trường hợp nạn nhân có nhu cầu về việc làm, học nghề, vay vốn để ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng đều được chính quyền đại phương, các cơ quan chức năng có liên quan tạo điều kiện.

- Công tác hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả thông qua việc phối hợp trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ, thông báo tình hình tội phạm giữa các cơ quan chức năng của tỉnh Điện Biên với các tỉnh biên giới của nước CHCND Lào, CHDCND Trung Hoa.

2. Tồn tại, hạn chế

- Các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật phòng, chống tội phạm mua bán người ban hành chậm.

- Một số vụ án mua bán người chưa được phát hiện kịp thời.

- Công tác phối hợp giữa các Ban, ngành thành viên chưa thường xuyên, thiếu đồng bộ; một số ban, ngành, đoàn thể coi công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ riêng của lực lượng vũ trang.

- Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm mua bán người; vì vậy việc theo dõi, phát hiện

các hành vi của bọn tội phạm có hành động lôi kéo, dụ dỗ người dân chưa được phát hiện kịp thời.

- Công tác tập huấn nghiệp vụ về phòng, chống tội phạm mua bán người còn ít, tài liệu tuyên truyền chưa phong phú, thiếu sinh động.

D. Công tác thi hành án dân sự từ năm 2011 - 2013

1. Kết quả đạt được

- Công tác Thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh từ năm 2011- 2013 tiếp tục đạt được những kết quả đáng ghi nhận cả về số lượng và chất lượng, việc giao, nhận số bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật do Tòa án chuyển giao cho các cơ quan Thi hành án dân sự cùng cấp được cơ quan thi hành án dân sự thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Trong 3 năm 2011-2013 cơ quan thi hành án dân sự đã nhận tổng số 1.899 Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật do cơ quan Tòa án chuyển giao và các bản án, quyết định do các cơ quan thi hành án của địa phương khác ủy thác đến.

- Việc tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự: trong 3 năm, Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên đã phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện cưỡng chế thành công 16 việc. Trong việc thực hiện cưỡng chế thi hành án dân sự cơ bản đã đảm bảo được các quy trình, thủ tục, đảm bảo an toàn, giữ vững an ninh, trật tự tại địa phương.

- Việc hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án, xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự, Cơ quan Thi hành án đã rà soát và xác minh các trường hợp phải thi hành án; điều kiện thi hành án của từng trường hợp, quyết định hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án và lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

- Công tác tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại thuộc thẩm quyền đều được thụ lý, giải quyết ngay từ cơ sở, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, không để xảy ra tình trạng đơn thư khiếu nại vượt cấp.

- Công tác bảo quản tài sản thi hành án: Việc tiếp nhận, bảo quản vật chứng luôn đúng quy định; phục vụ kịp thời, an toàn cho công tác truy tố, xét xử, thi hành án.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc chuyển giao một số bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật gửi cho cơ quan Thi hành án dân sự còn chưa đúng thời hạn. Tình trạng chậm ban hành quyết định thi hành án; biên bản xác minh chưa phản ánh đầy đủ khả năng, điều kiện của người phải thi hành án đầy khó khăn khi thi hành án.

- Phần lớn người phải thi hành án không có điều kiện thi hành án nên số việc hoãn thi hành án còn nhiều dẫn đến việc thi hành án tồn đọng qua nhiều năm.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án trong việc xác minh tài sản thi hành án.

- Công tác phối hợp với trại giam, trại tạm giam, cơ quan công an trong việc thi hành án dân sự còn gặp khó khăn như đối với trường hợp trại giam không thông báo nơi phạm nhân chấp hành án phạt tù, chết trong thời gian cải tạo hoặc trường hợp đã chấp hành xong hình phạt tù về địa phương.

- Công tác quản lý đối với những người chấp hành xong hình phạt tù về địa phương chưa tốt. Do đó, công tác thi hành án dân sự đối với các trường hợp này rất khó khăn do không xác định được nơi cư trú.

E. Thực hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ" trên địa bàn tỉnh từ năm 2007 đến tháng 4/2014

1. Kết quả đạt được

- Thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng cơ bản đảm bảo đúng quy định, kịp thời, kết quả: đã hỗ trợ di chuyển cho 183/230 hộ dân đến 5 điểm định canh, định cư tập trung; di chuyển 225/361 hộ đến 17/33 điểm định canh, định cư xen ghép; đầu tư xây dựng 33 công trình ở 8 điểm định canh, định cư tập trung với tổng vốn đầu tư là 58.988 triệu đồng; hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa 9 công trình tại các điểm định canh, định cư xen ghép với tổng kinh phí thực hiện là 4.783 triệu đồng; hỗ trợ giống lúa cho các hộ tại 3 điểm định canh, định cư tập trung với kinh phí hỗ trợ là 137 triệu.

- Tiến hành giao đất ở bình quân từ 300m² - 400m²/hộ tại các điểm định canh, định cư mới; thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân tại các điểm định canh, định cư để làm nhà ở, phát triển sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu bình quân 15 triệu đồng/hộ.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác điều tra, khảo sát, lập dự án ban đầu chưa chuẩn xác, dẫn đến sự chênh lệch về số hộ, số khẩu, số lượng dự án thực hiện định canh, định cư.

- Hầu hết các dự án di dân, định canh, định cư theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg chậm tiến độ, không đạt được mục tiêu đề ra: Đến nay, mới có 8/12 điểm đang được đầu tư dở dang, chưa có điểm định canh, định cư tập trung nào được đầu tư hoàn chỉnh; 6/12 điểm đã có dân chuyển đến định cư với 230/499 hộ dân, đạt 46,1%, các điểm còn lại dân chưa đến. Đối với điểm định canh, định cư xen ghép mới thực hiện di chuyển được 225/361 hộ đến 17/33 điểm định canh, định cư xen ghép, đạt 62,3%.

- Kinh phí thực hiện chương trình không đảm bảo, đến hết năm 2013 tổng kinh phí Trung ương cấp mới đạt 44,5% so với đề án được duyệt; vốn sự nghiệp còn kết dư nhiều (khoảng 21 tỷ đồng).

- Hiệu quả sau đầu tư một số hạng mục công trình không đảm bảo, nhất là công trình nước sinh hoạt.

11

12

13

- Khi xây dựng các dự án định canh, định cư tập trung không có hạng mục đường điện sinh hoạt, nên trong quá trình thực hiện không được bố trí vốn để đầu tư cho người dân.

- Việc bố trí vốn đầu tư hằng năm còn chông chéo, có những công trình đã được đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng nhưng vẫn được bố trí vốn; công tác quản lý, cấp phát nguồn vốn sự nghiệp tại một số điểm chưa chặt chẽ.

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh 6 tháng đầu năm 2014, Thường trực HĐND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh có liên quan;
- TT HĐND - UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giàng Thị Hoa
Giàng Thị Hoa

